

KẾ HOẠCH

Khơi thông và phục hồi hệ sinh thái đầm Lập An gắn với sinh kế cộng đồng, phát triển du lịch sinh thái bền vững

Thực hiện Kế hoạch số 494/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố về việc triển khai Chương trình số 06-CTr/TU ngày 16/11/2025 của Thành ủy (khóa XVII) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ UBND thành phố lần thứ I.

UBND thành phố ban hành Kế hoạch khơi thông và phục hồi hệ sinh thái đầm Lập An gắn với sinh kế cộng đồng, phát triển du lịch sinh thái bền vững với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phát triển bền vững được hoạch định theo lộ trình phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội (KTXH), nguồn lực của địa phương; trong đó, phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường, phục hồi hệ sinh thái đầm Lập An gắn với sinh kế cộng đồng và phát triển du lịch sinh thái bền vững.

2. Tái cơ cấu, sắp xếp, quản lý việc khai thác và nuôi trồng thủy sản (nuôi hàu, vẹm, thủy sản lồng bè và các đối tượng nuôi phù hợp khác có khả năng làm sạch môi trường) từ hình thức sản xuất nhỏ lẻ, tự phát thành các tổ, đội, hợp tác xã (HTX) sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với việc phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3. Khai thác, sử dụng hợp lý và có hiệu quả tiềm năng mặt nước đầm Lập An, chú trọng đến bảo vệ tính đa dạng sinh học, thảm cỏ, rừng ngập mặn, đến bảo tồn cảnh quan và nguồn giống tự nhiên của các loài thủy sản. Xác định diện tích, đối tượng nuôi trồng, khai thác nguồn lợi thủy sản phù hợp với tiềm năng của đầm Lập An và nhu cầu thị trường trong giai đoạn 2026 - 2030. Phát huy lợi thế của vùng đầm phá, kết hợp với định hướng nuôi trồng theo hướng thân thiện môi trường gắn với phát triển dịch vụ du lịch nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho người dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Quản lý và phát triển sản xuất thủy sản gắn với du lịch sinh thái, bảo tồn mặt nước đầm Lập An hài hòa, bền vững, đảm bảo điều kiện theo quy định Luật thủy sản và sinh kế lâu dài cho cộng đồng ngư dân sống dựa vào nguồn lợi thủy sản vùng đầm phá.

- Sắp xếp quản lý khai thác và nuôi trồng thủy sản gắn với du lịch sinh thái, bảo tồn mặt nước đầm Lập An giai đoạn 2026 - 2030, phải đúng với quan

điểm, chủ trương phát triển kinh tế xã hội của thành phố Huế và xã Chân Mây – Lăng Cô theo hướng bền vững, phù hợp với điều kiện sinh thái vùng đầm Lập An và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá một cách đầy đủ về hiện trạng điều kiện tự nhiên, nguồn lợi thủy sản, hiện trạng sản xuất thủy sản và một số hoạt động khác (du lịch, bảo tồn, ...), cũng như quản lý khai thác nuôi trồng thủy sản tại đầm Lập An.

- Khôi thông dòng chảy, các khu vực bồi lấp ở đầm Lập An và sắp xếp vùng nuôi trồng thủy sản phù hợp với điều kiện của địa phương, đảm bảo điều kiện theo quy định của Luật Thủy sản.

- Rà soát diện tích, các hình thức nuôi trồng thủy sản có sử dụng diện tích đất, mặt nước tự nhiên vùng đầm Lập An đưa vào xây dựng Kế hoạch, Chương trình, Dự án, Đề án,...phát triển nuôi trồng thủy sản trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để đảm bảo các hộ nuôi trồng thủy sản thực hiện đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Quản lý hoạt động nuôi hàu tại đầm Lập An đảm bảo chuyển đổi 100% diện tích nuôi hàu ứng dụng vật liệu nuôi thân thiện môi trường, gắn với cảnh quan kết hợp phát triển du lịch.

- Phương án, kế hoạch khôi thông mặt nước đầm Lập An phải phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo có tính khả thi, đạt hiệu quả về kinh tế, xã hội và ít tác động xấu đến môi trường để phát triển bền vững.

- Phục hồi cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái vùng đầm Lập An kết hợp phát huy tốt các ưu thế về thiên nhiên của vùng đầm phá, khu vực biển để khai thác có hiệu quả và phát triển tốt tiềm năng du lịch sinh thái biển đảo của một vịnh đẹp trên thế giới.

- Ứng dụng công nghệ đến năm 2030 có tối thiểu 70% vùng nuôi được quản lý GPS, 100% quản lý trên cơ sở dữ liệu số và giám sát môi trường trực tuyến.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Khảo sát, đánh giá hiện trạng về kinh tế, xã hội, nguồn lợi tự nhiên và tiềm năng sinh kế vùng đầm Lập An

- Điều tra, phân tích tình hình kinh tế xã hội khu vực đầm Lập An và vùng ven biển Lăng Cô nhằm phát huy các thế mạnh trong phát triển kinh tế du lịch.

- Đánh giá hiện trạng môi trường, hiện trạng các nguồn xả thải vào đầm Lập An và tiềm năng nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh, rừng ngập mặn và tiềm năng khai thác, nuôi trồng thủy sản vùng, sức tải môi trường: đối với nuôi hàu, nuôi cá, du lịch, nhà hàng... đầm Lập An, vùng ven biển Lăng Cô bằng công nghệ: GIS, Drone, ảnh vệ tinh, AI, Flycam... để xây dựng bản đồ số làm cơ sở định hướng trong quy hoạch, phát triển sinh kế, phục hồi môi trường hệ sinh thái trong khu vực.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về hệ sinh thái đầm Lập An gồm: Chất lượng nước, dòng chảy, đa dạng sinh học; vùng nuôi, sinh cảnh, khu vực bồi lấp và khu vực ô nhiễm,...

2. Rà soát, khơi thông các khu vực bị bồi lấp ảnh hưởng đến lưu thông dòng chảy

- Nghiên cứu dòng chảy, trao đổi nước, độ mặn, oxy hoà tan, phù sa,... bằng mô hình Mike21 hoặc Delft3D.

- Khơi thông, nạo vét và xây dựng đê kè chống sạt lở khu vực cửa biển Lăng Cô, tạo điều kiện môi trường thông thoáng, thu hút các đối tượng thủy sản từ biển vào vùng đầm Lập An sinh sản giúp gia tăng nguồn lợi thủy sản tự nhiên, cân bằng hệ sinh thái vùng đầm Lập An.

- Khơi thông các khu vực bị bồi lấp tự nhiên làm cản trở lưu thông dòng chảy và ảnh hưởng đến giao thông đường thủy. Xây dựng bờ đê, kè để chống sạt mòn, sạt lở và tăng cao giá trị về mặt cảnh quan.

3. Phục hồi hệ sinh thái đầm Lập An

3.1. Rà soát sắp xếp lại nuôi trồng thủy sản vùng đầm Lập An để chuyển đổi nuôi hàu, vẹm và nuôi cá lồng theo hướng thân thiện môi trường kết hợp với phát triển du lịch

3.1.1. Kiểm kê số lượng các hộ nuôi hàu, nuôi trồng thủy sản bằng lồng bè. Triển khai đăng ký nhu cầu nuôi, xác định các đối tượng nuôi ưu tiên theo từng vùng trên đầm Lập An

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân đang nuôi trồng thủy sản xác định chuyển đổi phương thức.

- Kiểm kê số lượng các hộ nuôi hàu hiện có; diện tích mặt nước, số lượng cọc, số lượng lồng đang nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức khảo sát, lập dự án triển khai tháo dỡ các cọc hàu hiện trạng, lắp đặt mới cột mốc và bảng hiệu phân chia khu vực nuôi trong vùng nuôi hàu, vẹm, nuôi cá lồng theo phân vùng được phê duyệt (dự kiến khoảng 100 ha).

- Triển khai tháo dỡ các cọc hàu hiện có trong vùng nuôi hàu đã được cắm mốc, khoanh vùng sau khi dự án tháo dỡ các cọc hàu được phê duyệt.

- Nuôi cá lồng di chuyển đến các khu vực nước sâu có lưu tốc dòng chảy đảm bảo và điều kiện môi trường phù hợp đã được khảo sát, xây dựng kế hoạch phát triển nuôi cá lồng trong vùng đầm Lập An.

3.1.2. Tổ chức quản lý và bố trí, sắp xếp lại nghề nuôi hàu, nuôi cá lồng vào các phân vùng được phê duyệt

- Trên cơ sở hiện trạng, xác định các khu vực nuôi trồng thủy sản phù hợp với từng đối tượng và hình thức nuôi. Xây dựng bản đồ phân vùng quy hoạch và sắp xếp lại hệ thống nuôi theo từng phân vùng, ô thửa phù hợp.

- Bố trí, sắp xếp lại nghề nuôi hàu truyền thống (nuôi trên giàn cọc và vỏ lốp xe), theo hướng giảm số lượng cọc hàu và chia sẻ hợp lý diện tích mặt nước giữa các hộ nuôi hàu (nhất là giảm đáng kể số cọc hàu của các hộ dân có xu

hướng đóng quá nhiều cọc để chiếm dụng diện tích mặt nước đầm phá); Đề xuất các giải pháp cụ thể để hỗ trợ cho người dân di chuyển vào vùng quy hoạch. Tổ chức đào tạo tập huấn kỹ thuật chuyển giao kỹ thuật về phương thức nuôi hàu bằng giá thể thân thiện môi trường thay thế vật liệu vỏ lốp xe và cọc xi-măng.

- Xây dựng các mô hình nuôi thí điểm theo tổ hợp tác sản xuất về nuôi hàu theo phương thức nuôi giá thể đảm bảo môi trường và cảnh quan. Theo dõi, đánh giá và xây dựng chuyển đổi dần theo lộ trình thích hợp từ nghề nuôi hàu truyền thống sang nuôi công nghiệp (nuôi treo giá thể trong lồng bè di động), đối tượng nuôi là hàu tự nhiên, có sẵn nguồn giống trong đầm phá và hàu Thái Bình Dương nhập từ các tỉnh, chỉ sử dụng nguồn sinh vật phù du tự nhiên vốn phong phú trong vùng đầm phá làm thức ăn.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ người dân nuôi hàu sau khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi và xây dựng Quy chế quản lý vùng nuôi gắn kết với hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch.

- Tổ chức thực hiện việc cấp Giấy xác nhận cho người dân nuôi cá lồng tại các khu vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo định mức số lượng lồng nuôi, diện tích cho phép, quy cách và hệ thống cơ sở hạ tầng (lồng, bè, nhà bè quản lý,...) đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường, mỹ quan vùng đầm Lập An.

- Thành lập tổ hợp tác sản xuất các hộ nuôi theo từng đối tượng như: Nuôi hàu, nuôi lồng,...

3.1.3. Rà soát các khu vực phù hợp nuôi trồng các đối tượng có khả năng làm sạch môi trường

- Khu vực nuôi rong biển: Tại các vùng có chất lượng nước trong sạch, độ mặn phù hợp nhằm hấp thu lượng các bon, NH_3 ...từ các hoạt động kinh doanh nhà hàng, nuôi trồng thủy sản trong khu vực.

- Khoanh vùng và giao khoán cho các tổ cộng đồng tổ chức nuôi tự nhiên các đối tượng nhuyễn thể bản địa như ngao dầu, ngao bến tre, sò huyết tại các khu vực bãi bồi tự nhiên trong đầm Lập An nhằm làm sạch môi trường, giảm lượng mùn bã hữu cơ và tăng thu nhập cho cộng đồng ngư dân.

- Phát triển kinh tế xanh: Hình thành ít nhất 01 mô hình kinh tế tuần hoàn, 01 mô hình nuôi trồng carbon thấp, 01 mô hình sinh kế xanh.

3.2. Khai thác thủy sản tự nhiên trong vùng đầm Lập An

- Duy trì số lượng ngư cụ hiện tại, không tăng thêm ngư cụ đánh bắt trong vùng đầm phá (đặc biệt đối với nghề lừ xếp), vận động và quản lý ngư dân sử dụng kích cỡ mắt lưới quy định, kiện toàn tổ/đội nghề cá theo quy định đồng quản lý và phân cấp quyền sử dụng mặt nước cho cộng đồng quản lý tại vùng nước được cấp quyền khai thác.

- Chủ động sắp xếp, phân bổ nghề cho các thành viên làm nghề khai thác di động hoặc nghề cố định đảm bảo theo định hướng giảm mật độ ngư cụ hiện tại.

- Tiến hành xác định nhu cầu chuyển đổi nghề, kiện toàn tổ, đội, chi hội thủy sản, xây dựng tổ chức theo hướng dẫn Đồng quản lý nghề cá trong Luật thủy sản, vận động ngư dân vào tổ, đội, HTX nghề cá. Tập huấn nghề, hỗ trợ chuyển đổi sinh kế và giảm mật độ ngư cụ tự nhiên trong đầm phá nhằm phục hồi lại nguồn lợi tự nhiên.

- Quản lý khai thác có thời hạn: Trên cơ sở thời gian cấm khai thác thủy sản có thời hạn tại vùng biển ven bờ Chân Mây – Lăng Cô, nghiên cứu thời gian phù hợp để cấm khai thác thủy sản trong vùng đầm Lập An nhằm bảo vệ đường di cư sinh sản của các đối tượng thủy sản và nguồn lợi thủy sản tự nhiên trong khu vực.

3.3. Thả tái tạo nguồn lợi thủy sản cân bằng hệ sinh thái, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

- Hệ sinh thái vùng đầm Lập An bao gồm nhiều thành phần loài, động thực vật thủy sinh. Chú trọng nắm bắt các loài có nguy cơ suy giảm để bảo vệ, bổ sung nhằm bảo vệ tính đa dạng sinh học và nguồn giống tự nhiên của các loài thủy sản, bảo vệ và phát huy trồng thâm rừng ngập mặn để bảo tồn cảnh quan tự nhiên. Tạo ra sinh cảnh sống thích hợp cho thủy sinh bằng cách di trồng, phục hồi thảm cỏ biển, rong biển tại đáy đầm, từ đó thu hút sự tập trung ấu trùng thủy sinh và tôm, cua, cá đến kiếm mồi,...

- Khai thác, sử dụng mặt nước đầm Lập An phải gắn với bảo vệ môi trường; giảm thiểu các xung đột môi trường (gồm xung đột về lợi ích kinh tế, về mặt bằng và tác động xấu về môi trường,...) của hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản đến các hoạt động kinh tế khác trong đầm Lập An và toàn vùng bờ Lăng Cô. Bảo vệ môi trường luôn gắn chặt với phát triển nuôi trồng, khai thác thủy sản một cách bền vững, lâu dài và được cụ thể hóa bằng các kế hoạch hành động ở từng cấp chính quyền địa phương, từng nhóm cộng đồng cư dân.

- Đánh giá sức tải môi trường từ các hoạt động sinh kế, kinh doanh khu vực đầm Lập An nhằm phát triển bền vững về môi trường, cảnh quan và ổn định các ngành nghề sinh kế phục vụ nhu cầu du lịch tại địa phương.

3.4. Thành lập khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Thành lập khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản khu vực đầm Lập An gắn với khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân, tạo hành lang di cư sinh sản, phát triển nguồn lợi thủy sản từ khu vực đầm Lập An đến khu bảo tồn biển Bắc Hải Vân đang được thành lập, góp phần xây dựng phục hệ sinh thái bền vững về môi trường, cảnh quang, đa dạng thành phần loài.

3.5. Rà soát nuôi trồng thủy sản trong ao xung quanh khu vực đầm Lập An đảm bảo thực hiện đúng các quy định

Rà soát diện tích nuôi trồng thủy sản đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo quy định đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt chú trọng hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra môi trường vùng đầm Lập An. Các diện tích nuôi không đủ điều kiện, không nằm trong vùng quy hoạch đề nghị thu hồi và có giải pháp xử lý dứt điểm.

3.6. Rà soát, đề xuất sắp xếp lại các cụm dân cư sinh sống xung quanh khu vực đầm Lập An, quản lý nguồn nước sinh hoạt xả thải ra môi trường

Hiện đang tồn tại một bộ phận người dân sinh sống quanh khu vực đầm Lập An, đặc biệt khu vực An Cư Đông, Hói Mít, Hói Dừa. Về lâu dài cần có chiến lược quy hoạch, sắp xếp, giải tỏa các hộ dân này để không ảnh hưởng đến mỹ quan, môi trường vùng đầm Lập An.

4. Phát triển du lịch sinh thái vùng đầm Lập An

- Tổ chức chuyển đổi mô hình sản xuất gắn với phát triển du lịch, dịch vụ nâng cao thu nhập cho người dân. Phát huy vai trò cộng đồng, vai trò đồng quản lý của các Chi hội nghề cá để tham gia thường xuyên quản lý các hoạt động sinh kế tại địa phương.

- Cần tạo ra mặt bằng thoả đáng để khai thác và phát triển tốt tiềm năng du lịch sinh thái biển đảo của một vịnh đẹp trên thế giới, tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng nhất thoả mãn các loại hình du lịch.

(Chi tiết các nhiệm vụ có Phụ lục I kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi một số bộ phận làm nghề nuôi trồng, khai thác thủy sản sang các ngành nghề khác

- Tiến hành rà soát lại các văn bản quy phạm, các quy định hiện có để đề xuất chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới, đặc biệt các văn bản về quyền sử dụng đất, mặt nước vùng đầm phá. Giải quyết hài hòa các xung đột lợi ích của các doanh nghiệp, dự án bất động sản trong du lịch, dịch vụ quanh đầm, nơi neo trú bão, hạ tầng cảng cá, cảng du lịch,...với cư dân khai thác và nuôi trồng thủy sản vùng đầm phá.

- Áp dụng và triển khai thực hiện các thể chế và chính sách của Trung ương, địa phương hiện đang có hiệu lực nhằm quản lý nuôi trồng thủy sản có hiệu quả về kinh tế và bền vững về môi trường, đảm bảo các quy định của Nhà nước.

- Xây dựng Đề án và thực hiện một số dự án chuyển đổi nghề phù hợp với với thực tế địa phương và đúng theo quy định tại Điều 6 của Luật Thủy sản.

2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, quản lý vùng đầm Lập An

Xây dựng hệ thống hoạt động thông tin về tài nguyên, môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng về khai thác, sử dụng tài nguyên, môi trường đầm phá và những vấn đề quản lý liên quan.

3. Tổ chức, quản lý các hoạt động sinh kế, kinh doanh xung quanh khu vực đầm Lập An

- Nuôi trồng thủy sản: Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sắp xếp, phân vùng các loại hình nuôi trồng thủy sản vùng đầm Lập An, để làm căn cứ thẩm định cấp Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè theo Điều 21 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.

- Tập trung tháo gỡ và nhanh chóng triển khai giải quyết việc thực hiện bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, mặt nước, giao, cho thuê đất, mặt nước để đảm bảo thuận lợi cho người dân nuôi trồng thủy đặc sản vùng đầm phá và nuôi lồng bè yên tâm sản xuất.

- Hình thành chuỗi thị trường tiêu thụ thủy đặc sản vùng đầm Lập An, cung ứng tại chỗ, nâng cao giá trị gia tăng và tạo sức hút du lịch của địa phương. Phát triển sản xuất theo tổ hợp tác, hợp tác xã, liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản với doanh nghiệp, người dân nuôi trồng thủy sản.

- Kiên quyết xử lý triệt để các trường hợp nuôi không đúng theo quy định, tự phát, lấn chiếm hệ thống thủy đạo và tuyên truyền, hỗ trợ người dân đăng ký nuôi đảm bảo theo đúng quy định.

- Khai thác thủy sản: Thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TU ngày 22/8/2024 về tăng cường công tác quản lý, bảo tồn, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh (nay là thành phố), tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng chuyên ngành như: Công an, Biên phòng, Ủy ban nhân dân cấp xã, Chi hội nghề cá tổ chức tuần tra, kiểm tra, kiểm soát xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, đặc biệt chú trọng xử lý các nghề cấm sử dụng để khai thác thủy sản, kích cỡ mắc lưới đánh bắt thủy sản.

- Quản lý hoạt động kinh doanh nhà hàng nổi trong vùng đầm Lập An theo quy định, đặc biệt việc xả thải ra môi trường đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng nước vùng đầm Lập An.

4. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên và môi trường

- Thành lập và kiện toàn các tổ chức cộng đồng, tổ hợp tác, hợp tác xã,... để cùng chính quyền địa phương tham gia đồng quản lý, giám sát, tổ chức sản xuất nuôi trồng, khai thác và các hoạt động kinh doanh khác trong vùng đầm Lập An.

- Tổ chức tập huấn cho cán bộ và cư dân địa phương về phương pháp tham gia trong quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng và triển khai cơ chế đồng quản lý về sử dụng và quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực du lịch, kêu gọi triển khai các dự án du lịch theo quy hoạch đã được phê duyệt

5. Giải pháp về thị trường, liên kết theo chuỗi giá trị nuôi trồng và khai thác thủy sản

- Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị nuôi trồng thủy sản nói riêng và nghề cá nói chung là nhu cầu cấp bách trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu, có vai trò quan trọng tái cơ cấu mô hình tăng trưởng ngành thủy sản, theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Chuỗi giá trị nuôi trồng và khai thác thủy sản kết nối, liên kết dọc/ngang giữa các doanh nghiệp, nhà cung ứng dịch vụ,...với các Tổ/đội, HTX, người dân

để đảm bảo đầu ra ổn định và nguồn nguyên liệu đầu vào đạt chất lượng cao, giảm chi phí trung gian môi giới, quảng bá và tiếp thị sản phẩm, ổn định đầu ra, có nguồn vốn ổn định, lãi suất thấp,... thông qua các Hợp đồng kinh tế.

6. Giải pháp về khoa học, công nghệ

- Hỗ trợ, ứng dụng vật liệu mới như phao HDPE được sản xuất bằng 100% nhựa nguyên sinh HDPE, không chứa các chất phụ gia độc hại, không phát thải các chất gây ô nhiễm môi trường trong việc làm bè/giàn nuôi hàu (lồng bè nổi, dễ di chuyển, tạo vật bám an toàn vệ sinh thực phẩm thay cho vỏ lớp xe), thuận tiện trong việc kéo lưới lồng lên vệ sinh và thay lưới mới định kỳ cho lồng, bè nuôi trồng thủy sản.

- Ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản để nâng cao hiệu quả sản xuất, bền vững về mặt môi trường.

7. Giải pháp về vốn

- Vốn từ các chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển và chương trình phát triển kinh tế từ nguồn ngân sách địa phương, huy động các tổ chức phi Chính Phủ, ngân hàng Châu Á, ngân hàng thế giới, các tổ chức người Việt ở nước ngoài.

- Vốn từ chương trình dự án thực hiện theo các quyết định đã phê duyệt của Chính phủ và UBND thành phố về Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, Quy hoạch tổng thể Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng quốc tế Lăng Cô,...

V. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí để triển khai các hoạt động

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, kinh phí thường xuyên của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan và địa phương triển khai thực hiện Đề án do UBND thành phố ban hành phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, vốn lồng ghép các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác nhằm đầu tư, phát triển khai thác hiệu quả, bền vững.

- Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, các sở, ban, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện để bố trí trong dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Các sở, ban, ngành và địa phương lồng ghép các hoạt động, đề án, dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác; các dự án phi Chính phủ với hoạt động thuộc Kế hoạch này để triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết kiệm ngân sách.

- Về vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước dành cho đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Nguồn vốn từ các công ty, doanh nghiệp liên doanh liên kết đầu tư vào lĩnh vực thủy sản trên địa bàn thành phố Huế.

2. Phân kỳ và tổng mức kinh phí

- Kinh phí nạo vét, khơi thông luồng lạch, xây dựng đê chống sạt lở: UBND xã Chân Mây – Lăng Cô xây dựng dự toán và lập dự án đầu tư công theo quy định.

- Tổng kinh phí phục hồi hệ sinh thái đầm: 13.800.000.000 đồng
(Bằng chữ: Mười ba tỷ tám trăm nghìn đồng)

Phân kỳ các năm như sau:

- Năm 2027: 5.150.000.000 đồng
- Năm 2028: 5.670.000.000 đồng
- Năm 2029: 1.540.000.000 đồng
- Năm 2030: 1.440.000.000 đồng

(Chi tiết kinh phí từng hoạt động có Phụ lục II kèm theo)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định nội bộ để xác định rõ các hạng mục công việc cần thực hiện để từ đó có đề xuất phương án tài chính, năm ngân sách, nguồn kinh phí,...

- Nghiên cứu Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu, Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố để xây dựng đơn giá nhân công, các khoản mục chi phí khác cho phù hợp; Nghị quyết số 135/NQ-CP ngày 22/5/2026 của Chính phủ ban hành quy định phạm vi, đối tượng và nguyên tắc thực hiện tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2026 và thực hiện Nghị định 266/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả. Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch của các đơn vị, địa phương và kịp thời tham mưu, đề xuất với UBND thành phố giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát đánh giá việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo UBND thành phố theo quy định.

- Hàng năm phối hợp Sở Tài chính tham mưu đề xuất kinh phí cho thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch theo nhiệm vụ của các ngành và địa phương.

2. Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và nhu cầu kinh phí thường xuyên của Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch do UBND thành phố ban hành.

- Tham mưu UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn chủ động phối hợp với UBND xã Chân Mây – Lăng Cô khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch đào

tạo nghề ngắn hạn, chuyển đổi đào tạo nghề nghiệp cho ngư dân theo các chính sách, quy định hiện hành.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Căn cứ vào Kế hoạch tham mưu UBND thành phố đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến phát triển ứng dụng công nghệ sinh học trong việc áp dụng phương thức nuôi mới, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất giống và nghiên cứu sinh sản nhân tạo các loài thủy sản đặc hữu có giá trị kinh tế cao phục vụ tái tạo nguồn lợi thủy sản.

- Ứng dụng AI, GIS, IoT trong giám sát môi trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ trong nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm đặc sản đầm Lập An.

- Kết nối các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ phục vụ phục hồi hệ sinh thái và phát triển sinh kế.

5. Sở Du lịch

Hướng dẫn các cộng đồng, tổ hợp tác, hợp tác xã tổ chức triển khai các mô hình du lịch cộng đồng sinh thái phù hợp với điều kiện, tập quán của các địa phương và ngư dân nhằm phát triển sản xuất gắn kết với phát triển du lịch.

6. Sở Xây dựng

Phối hợp với các địa phương tổ chức kiểm tra, kiểm soát tháo dỡ các ngư cụ khai thác và nuôi trồng thủy sản lấn chiếm hệ thống luồng lạch giao thông thủy đạo trên vùng đầm phá và cửa biển.

7. Công an thành phố

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền các xã, phường tổ chức cam kết các hộ dân không sử dụng nghề cấm để khai thác thủy sản; xử lý nghiêm các hành vi sử dụng điện, chất nổ, nghề và ngư cụ cấm để khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Huế.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố

Tăng cường công tác tuyên truyền, tổ chức tuần tra kiểm soát phát hiện ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, khai thác thủy sản bằng các hình thức tận diệt, ngư cụ cấm ở các khu bảo vệ thủy sản vùng ven bờ và cửa biển.

9. UBND xã Chân Mây – Lăng cô

- Tổ chức tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt Kế hoạch này. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành liên quan để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trên địa bàn được giao quản lý.

- Xử lý các trường hợp lấn chiếm đất, mặt nước để nuôi trồng, khai thác thủy sản ảnh hưởng đến các đường thủy đạo, luồng di cư, các khu bảo vệ, bãi giống bãi đẻ trên địa bàn được giao quản lý.

- Phối hợp, thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tập trung

tại các Khu bảo tồn biển, khu bảo vệ thủy sản, khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn.

Yêu cầu các sở, ban ngành, các đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, phường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chủ động thực hiện Kế hoạch. Quá trình triển khai gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- UBND xã Chân Mây – Lăng Cô;
- Chi cục Thủy sản;
- VP: LĐ và các CV: ĐC, TC;
- Lưu: VT, NN.

eu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Mạnh

Nguyễn Văn Mạnh

Phụ lục I

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHÔI THỒN VÀ PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI ĐÀM LẬP AN

(Kèm theo Kế hoạch số 456 /KH-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố)

TT	Tên Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Nạo vét, khơi thông luồng lạch đầm Lập An	UBND xã Chân Mây – Lăng Cô	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2027-2028	Lập dự án đầu tư công
2	Xây dựng bờ đê, kè để chống sồi mòn, sạt lở và tăng cao giá trị về mặt cảnh quan.	UBND xã Chân Mây – Lăng Cô	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2027-2028	Lập dự án đầu tư công
3	Đánh giá hiện trạng về kinh tế, xã hội, nguồn lợi tự nhiên và tiềm năng sinh kế vùng đầm Lập An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2027	
4	Khảo sát, kiểm kê, lập bản đồ phân vùng, thiết kế tổ chức mặt nước; Tháo dỡ, nhổ bỏ cọc hầu và vật cản, thu gom, vận chuyển xử lý; Sắp xếp nuôi hầu, vẹm và nuôi cá lồng đầm Lập An;	UBND xã Chân Mây – Lăng Cô	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2027-2028	
5	Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, an toàn, tuân tra trong giai đoạn cao điểm	UBND xã Chân Mây – Lăng Cô	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2028-2030	
6	Khảo sát, rà soát phân vùng nuôi các đối tượng khác có khả năng làm sạch môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã Chân Mây- Lăng Cô;	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2027-2028	
7	Xây dựng các mô hình thí điểm về nuôi hầu gắn với du lịch cộng đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2029-2030	
8	Thành lập khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	UBND xã Chân Mây – Lăng Cô	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2029-2030	

TT	Tên Chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
9	Tổ chức công tác điều tra, đánh giá đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản đầm Lập An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2027	Chi thường xuyên ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác
10	Tái tạo nguồn lợi thủy sản tại khu vực ven biển Lăng Cô, đầm phá Lập An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2028-2030	Chi thường xuyên ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác
11	Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	UBND xã Chân Mây – Lăng Cô	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2028-2030	Chi thường xuyên ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác
12	Thành lập các Tổ hợp tác trong hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản ở đầm Lập An	UBND xã Chân Mây – Lăng Cô	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2029-2030	
13	Truyền thông nâng cao nhận thức về công tác bảo tồn, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2028-2030	Chi thường xuyên ngân sách địa phương và các nguồn huy động khác
14	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản cho cộng đồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2028-2030	Chi thường xuyên ngân sách địa phương
15	Hình thành các tua du lịch sinh thái, kết hợp ẩm thực khu vực vùng đầm Lập An	Sở Du Lịch	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2028-2030	
16	Rà soát đề xuất thành lập các khu vực OECM liên quan đến rừng ngập mặn và nguồn lợi thủy sản khu vực đầm Lập An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	2029	

Phụ lục II
DỰ TOÁN KINH PHÍ
KHOI THÔNG VÀ PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI ĐÀM LẬP AN GẦN VỚI SINH KẾ CỘNG ĐỒNG, PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG
(Kèm theo Kế hoạch số: 456 /KH-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2026 của UBND thành phố)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Định mức	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền Năm 2027 (đồng)	Thành tiền Năm 2028 (đồng)	Thành tiền Năm 2029 (đồng)	Thành tiền Năm 2030 (đồng)	Tổng Cộng
I	Nạo vét khơi thông luồng lạch vùng đầm Lập An	UBND xã Chân Mây - Lăng Cô xây dựng dự toán và lập dự án đầu tư công								
II	Khôi phục hệ sinh thái vùng đầm Lập An					5,150,000,000	5,170,000,000	2,040,000,000	1,440,000,000	13,800,000,000
1	Khảo sát, cập nhật lại các phân vùng chức năng, hiện trạng sinh thái					450,000,000				450,000,000
2	Chi phí tháo dỡ, nhổ bỏ cọc hầu và vật cản, thu gom, vận chuyển xử lý (khối lượng lớn, cần huy động thuyền, nhân					3,000,000,000	4,200,000,000			7,200,000,000
3	Chi phí cắm mốc, trụ mốc, biển bảng, phân khu ngoài thực địa (phục vụ quản lý lâu dài):					850,000,000				850,000,000
4	Xây dựng đúc các cọc					550,000,000				550,000,000
5	Chi phí tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, an toàn, tuần tra trong giai đoạn cao điểm						150,000,000	150,000,000	150,000,000	450,000,000
6	Chi phí dự phòng trong nhà, cắm cọc hầu và sắp xếp hệ thống vùng nuôi					200,000,000	200,000,000	200,000,000	200,000,000	800,000,000
7	Kiểm toán năng lực quản lý điều hành và kiểm tra, giám sát và thành lập các tổ hợp tác sản xuất							50,000,000	50,000,000	100,000,000
8	Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững					0	0	400,000,000	400,000,000	800,000,000
	Xây dựng mô hình thí điểm nuôi hàu theo tổ hợp tác về phương thức nuôi hàu giá thể thân thiện với môi trường	mô hình	1	1				200,000,000	200,000,000	400,000,000
	Xây dựng mô hình thí điểm kết nối tiêu thụ sản phẩm thủy đặc sản gắn kết với phát triển du lịch	mô hình	1	1				200,000,000	200,000,000	400,000,000
9	Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học					70,000,000	70,000,000			140,000,000
10	Thành lập khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản	khu	1	1				500,000,000		500,000,000
11	Tổ chức thả tái tạo nguồn lợi thủy sản	cuộc	1	4			400,000,000	400,000,000	400,000,000	1,200,000,000
12	Rà soát các khu OECM rừng ngập mặn và phát triển nguồn lợi thủy sản	đồng	1	1				100,000,000		100,000,000
13	Xây dựng các mô hình thí điểm về nuôi hàu gắn với du lịch cộng đồng	MH	1	3				90,000,000	90,000,000	180,000,000
14	Thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	đồng					50,000,000	50,000,000	50,000,000	150,000,000
15	Truyền thông, tập huấn nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản	đồng					50,000,000	50,000,000	50,000,000	150,000,000
16	Quản lý, giám sát và đánh giá hiệu quả hàng năm					30,000,000	50,000,000	50,000,000	50,000,000	180,000,000
	TỔNG					5,150,000,000	5,170,000,000	2,040,000,000	1,440,000,000	13,800,000,000

(Bằng chữ: Mười ba tỷ tám trăm triệu đồng)

Ghi chú: Các khoản chi phí nói trên là mức tối đa tạm tính; đơn vị thực hiện chi phải lập đầy đủ hồ sơ, chứng từ, theo đúng quy định hiện hành; thanh toán theo khối lượng thực tế triển khai thực hiện, tuân thủ các định mức kinh tế kỹ thuật liên quan và không vượt quá dự toán được duyệt.